

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH
Bản án số: 24/2022/HS-ST
Ngày: 11/7/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Nghi và bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 12/5/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hồng T, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1988 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Lái máy. Nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông: Nguyễn Tấn T (đã chết) và bà Trần Thị P; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 28/8/2013 bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi cố ý gây thương tích theo Quyết định số 000303/QĐ-XPHC ngày 28/8/2013. Ngày 23/10/2018 bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính hình thức phạt tiền về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số 122/QĐ-XPVPHC ngày 23/10/2018; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2021 đến nay. Theo Lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1993 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông: Nguyễn Ngọc Đ và bà Phan Thị D; chưa có vợ con; tiền án: có 01 tiền án Ngày 27/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử phạt 10 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” Bản án số 39/2018/HSST; tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 31/7/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội “Giết người” theo Bản án số

10/2012/HSST; Ngày 23/10/2018 bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính hình thức phạt tiền về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số 121/QĐ-XPVPHC ngày 23/10/2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ, Tạm giam từ ngày 25/9/2021 đến nay. Theo Lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phan Ngọc H , sinh ngày 06 tháng 10 năm 1987 tại xã Q, huyện Q , tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q , tỉnh Quảng Bình. trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông: Phan Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị L ; có vợ là Trần Thị L và 2 con, lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2021 đến nay. Theo Lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Ngô Quang B , sinh ngày 10 tháng 6 năm 1995 tại phường Q , thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: tổ dân phố Tiền Phong, phường Q , thị xã B, tỉnh Quảng Bình, trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông: Ngô Quang N và bà Phạm Thị C; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 27/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 23/12/2019 bị Công an thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2021 đến nay. Theo Lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Võ Văn T, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1987 tại xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông: Võ Đức M (đã chết) và bà Trần Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T và 3 con, lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/01/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Ngọc H : Bà Phan Thị Bích T- Trợ giúp viên pháp lý thuộc T tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người làm chứng: Phan Ngọc N, sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q , tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 20 phút ngày 24/9/2021, Phan Ngọc H, Phan Ngọc N và Võ Văn T ngồi ăn uống tại nhà Võ Văn T. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn

Ngọc T đến nhà T chơi . Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N rủ cả nhóm góp tiền mua ma túy về sử dụng. Khi N rủ thì T, H, T đồng ý, tuy nhiên tất cả đều nói không có tiền. Lúc này, N bảo mượn xe mô tô của T đưa đi cầm cố để lấy tiền mua ma túy nhưng T không đồng ý, sau đó N bảo đưa điện thoại di động loại máy Oppo A15 của T đi cầm cố 1.000.000 đồng, sau đó lấy 500.000 đồng đi mua ma túy, còn 500.000 đồng tiền mặt tiền mặt thì N mượn để nạp thẻ card điện thoại. Đối với số tiền 500.000 đồng mua ma túy thì H chịu trách nhiệm góp 200.000 đồng, N chịu 300.000 đồng. Khi nghe N nói vậy thì T và H đồng ý. Sau đó, T liên hệ với Ngô Quang B để nhờ B đưa điện thoại đi cầm cố 1.000.000 đồng và mua giúp 500.000 đồng ma túy thì B đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở T đi gặp B để nhờ mua ma túy. Khi đến T đưa cho B một điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A15 rồi B đưa cho T 7 viên ma túy, dạng hồng phiến, bọc trong túi ni lông màu đen và số tiền 495.000 đồng, T nhận tiền và đưa lại cho B 45.000 đồng để cảm ơn B mua ma túy giúp; B đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Sau khi đưa ma túy về, T đưa cho N số tiền 480.000 đồng (trong đó 450.000 đồng cầm cố và 30.000 đồng là tiền của T), rồi N đưa số tiền trên cho H đi mua card điện thoại, còn T chuẩn bị một chai nhựa, đục lỗ trên chai, cuốn tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng , gắn cố định chai nhựa trên chai nhựa để sử dụng ma túy. T, N , H và T cùng nhau sử dụng hết số ma túy trên. Đến 14 giờ cùng ngày, Phan Ngọc H về nhà, còn lại T, N, T vẫn ngồi chơi tại nhà T. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Hồng T đến nhà T chơi, đến 21 giờ T rủ mọi người góp tiền mua ma túy về sử dụng thì T, N, H và T đồng ý nhưng bảo không có tiền, sau đó N bảo T liên lạc với B để mua thêm ma túy, tính vào số tiền cầm cố điện thoại di động của T và thống nhất N góp 300.000 đồng còn T góp 200.000 đồng và thống nhất ngày hôm sau sẽ đưa tiền cho T đi chuộc lại máy điện thoại. Sau đó T liên lạc với B nhờ B mua thêm 500.000 đồng ma túy, tính vào số tiền cầm cố điện thoại di động và hẹn ngày mai sẽ trả tiền và chuộc lại điện thoại thì B đồng ý. Lúc này, T hỏi mượn xe của T để đi mua ma túy thì T đồng ý, rồi T và H cùng nhau đến gặp B để lấy ma túy. Sau đó T, T, N, H và T cùng nhau sử dụng hết số ma túy trên. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T tiếp tục bảo mọi người góp tiền mua ma túy nhưng mọi người đều không có tiền. Lúc này, T thấy H đeo trên tay đồng hồ Casio thì T nói H cầm cố đồng hồ với giá 500.000 đồng để mua ma túy rồi ngày mai T sẽ đưa tiền cho H chuộc lại đồng hồ thì H đồng ý. Sau đó T bảo T liên hệ với B hỏi nhờ cầm đồng hồ để mua ma túy. T liên hệ với B và chụp ảnh đồng hồ qua Messenger cho B xem, nhờ B cầm cố đồng hồ với giá 500.000 đồng để mua ma túy thì B đồng ý. Sau đó T mượn xe mô tô của T chở H đến vị trí của B để lấy ma túy. Khi đến H đã đưa cho B một đồng hồ đeo tay, B đưa cho H một vỏ bao thuốc lá, bên trong có chứa mảnh ni lông màu đen có 7 viên ma túy dạng hồng phiến. Sau khi mua được ma túy, T chở H về nhà của T. Trên đường về T và H bị Tổ kiểm soát phòng chống dịch bệnh Covid 19 tại thôn P, xã Q,

huyện Quảng Trạch phát hiện bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã ra Quyết định trưng cầu Giám định và tại Bản kết luận giám định số 1146/GĐ-PC09 ngày 01/10/2021 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã kết luận như sau: Mẫu gửi giám định ký hiệu A là chất ma túy loại methamphetamine khối lượng 0,71gam.

Liên quan đến vụ án trên có Phan Ngọc N là người rủ rê Võ Văn T, Phan Ngọc H và Nguyễn Ngọc T góp tiền mua ma túy sử dụng, đồng thời là người trực tiếp bảo T đưa điện thoại đi cầm cố để lấy tiền mua ma túy về sử dụng, trực tiếp góp tiền hai lần để mua ma túy, mỗi lần góp 300.000 đồng và đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, số ma túy mà N cùng các đối tượng góp tiền mua về đã sử dụng hết; số ma túy mà T và H tàng trữ thì N không góp tiền mua. Do đó, xác định Phan Ngọc N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; xác định Phan Ngọc N không đồng phạm với các bị can trên về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự mà chuyển tài liệu cho Cơ quan Công an huyện Quảng Trạch xem xét xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài hành vi phạm tội trên, các bị cáo Phan Ngọc H, Nguyễn Ngọc T, Võ Văn T và Nguyễn Hồng T đã cùng với Phan Ngọc N góp tiền mua ma túy về sử dụng. Các bị cáo và N khai nhận đã góp tiền hai lần, mỗi lần 500.000 đồng để mua ma túy dạng hồng phiến, nhưng đã sử dụng hết. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch tiến hành test nhanh đối với Phan Ngọc H, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hồng T, Phan Ngọc N, Võ Văn T thì các đối tượng và bị can trên đều dương tính với ma túy (loại Methamphetamine). Quá trình điều tra, không thu giữ được vật chứng là số ma túy mà các bị cáo và N khai nhận đã mua về sử dụng trước đó, nên không đủ cơ sở xem xét hành vi tổ chức sử dụng ma túy của các Phan Ngọc H, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hồng T, Phan Ngọc N, Võ Văn T.

Về nguồn gốc ma túy, B khai mua của một người, không rõ là ai, không rõ đặc điểm nhân dạng tại nhà anh Hạnh ở tổ dân phố Tiên Phong, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, qua điều tra, xác minh, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch chưa có cơ sở triệu tập để xác minh điều tra làm rõ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch sẽ tiếp tục xác minh thu thập, củng cố tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 mảnh ni lông màu đen không rõ hình dạng kích thước 12 x 3 cm

- 01 vỏ bao thuốc lá loại White House bị rách nát không rõ hình dạng bên trong có dính giấy bạc kích thước 15,5 x 15 cm;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S3 pro màu đen số series R58581CDC2F đã qua sử dụng;
- 01 xe mô tô biển kiểm soát 73E1-393.71 nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius số máy E32VE026874 dung tích 110 m³ màu đen đã qua sử dụng là xe mô tô của Võ Văn T giao cho Nguyễn Ngọc T và Phan Ngọc H mượn để đi mua ma túy
- 07 viên nén màu hồng dạng thuốc tân dược, trên một mặt có ký hiệu “WY” được niêm phong trong phong bì thư, trên cơ ghi “1146/GĐ-PC09” , “Mẫu ký hiệu A”
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15 số email 869 559055245034 là điện thoại của Võ Văn T đưa cho các bị cáo nhờ B cầm cố mua ma túy;
- 01 đồng hồ đeo tay pH nhãn hiệu casino EDIFICE WR 100M, màu đen vàng, là đồng hồ của Phan Ngọc H đưa cho B lấy tiền mua ma túy;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, phiên bản MIUI Global 12.0.1: là điện thoại của Ngô Quang B sử dụng để liên hệ trao đổi nhờ mua ma túy.

Cáo trạng số 12/CT-VKSQT ngày 14 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Ngọc T, Phan Ngọc H, Võ Văn T, Ngô Quang B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, tiết 1 điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 24-30 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Quang B từ 18-24 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T, Võ Văn T, Phan Ngọc H mỗi bị cáo từ 12-15 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư 1146/GĐ-PC09; 01 mảnh ni lông; 01 vỏ bao thuốc lá; tịch thu giá trị: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S3 Pro; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A; 01 xe mô tô BKS 73 E1-393.71, nhãn hiệu Yamaha; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Casio.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nhất trí với tội danh, khung hình phạt,

mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố, kết tội các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Phan Ngọc H trình bày: bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh kinh tế khó khăn gia đình thuộc hộ nghèo, vợ bị cáo không có việc làm; nhất trí với những tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát áp dụng đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H mức hình phạt thấp nhất để có điều kiện sớm trở về với gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phan Ngọc H vì bị cáo H là thuộc diện hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Ngọc T, Phan Ngọc H, Võ Văn T đã thừa nhận do có nhu cầu sử dụng ma túy nên vào khoảng 21 giờ ngày 24/9/2021, T đã rủ T, T và H góp tiền mua ma túy về sử dụng. Do các đối tượng không có tiền mặt nên T đã mượn 01 chiếc đồng hồ đeo tay của H để cầm cố. Bị cáo T đã trực tiếp liên hệ với Ngô Quang B, nhờ B đi cầm cố đồng hồ lấy 500.000 đồng để mua ma túy. T và H sau khi lấy ma túy từ B, trên đường về đã bị Tổ kiểm soát phòng chống dịch Covid-19 tại thôn Pháp Kệ, xã Q bắt quả tang, đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,71 gam chất ma túy (loại Methamphetamine).

“Methamphetamine nằm trong Danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 323, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính Phủ”.

Chất Methamphetamine là một trong những chất ma túy rất độc hại do Nhà nước trực tiếp, quản lý, mọi hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển hay tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm, lời khai của người làm chứng, tang vật chứng đã thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Ngọc T, Phan Ngọc H, Võ Văn T, Ngô Quang B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tính chất của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong việc quản lý, kiểm soát các chất kích thích, chất gây nghiện mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội nói chung và gây sự bức xúc đối với nhân dân trên địa bàn nói riêng. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có bị cáo đã có gia đình, đủ khả năng để nhận thức được sự nguy hiểm và tác hại về tệ nạn ma túy. Hiện nay Nhà nước cũng như các ngành, các cấp đã không ngừng tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện T tin đại chúng về tác hại to lớn của loại tệ nạn này đối với xã hội. Lẽ ra các bị cáo pH nhận thức, hiểu rõ để phòng tránh, đồng thời tuyên truyền cho mọi người về tác hại của ma túy nhưng để nhằm mục đích phục vụ nhu cầu ăn chơi của bản thân mà các bị cáo đã bất chấp tàng trữ ma túy để sử dụng.

Vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên tính chất đồng phạm chỉ ở mức độ giản đơn, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ hay phân công vai trò, vị trí cụ thể trước khi phạm tội mà việc phạm tội nảy sinh và được thực hiện khi có người đề xướng, rủ rê thì cả bọn cùng đồng thuận thống nhất ý chí thực hiện.

Trong vụ án này bị cáo T với vai trò là người khởi xướng việc góp tiền mua ma túy để sử dụng, bị cáo B là người nhận đồng hồ đi cầm cố và mua giúp ma túy cho các bị cáo. Đối với bị cáo T và bị cáo H là người thực hành, nhận ma túy từ bị cáo B. Bị cáo T đã cung cấp phương tiện là xe mô tô cho bị cáo T và bị cáo H đi lấy ma túy về sử dụng. Như vậy, bị cáo B và bị cáo T với vai trò là người giúp sức trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết pH xét xử các bị cáo với hình phạt nghiêm và pH cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T có 01 tiền án: Ngày 27/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử phạt 10 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” Bản án số 39/2018/HSST; bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 31/7/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội “Giết người” theo Bản án số 10/2012/HSST; Ngày 23/10/2018 bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính hình thức phạt tiền về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số 121/QĐ-XPVPHC ngày 23/10/2018. Bị cáo T chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, bị cáo pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại tiết 1 Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Hồng T, Ngô Quang B là những người có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Hồng T: Ngày 28/8/2013 bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi cố ý gây thương tích theo Quyết định số 000303/QĐ-XPHC ngày 28/8/2013. Ngày 23/10/2018 bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số 122/QĐ-XPVPHC ngày 23/10/2018. Đối với bị cáo Ngô Quang B: Ngày 27/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 23/12/2019 bị Công an thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2019.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử đã xem xét cho các bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Bị cáo T và bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; bị cáo Nguyễn Hồng T là gia đình có công với cách mạng, có ông bà nội và ông bà ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ và tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ Trường Sơn; bị cáo T đã có thành tích cứu người bị đuối nước được chính quyền địa phương xác nhận, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo tùy theo điều kiện mà các bị cáo được hưởng.

Xét luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Phan Ngọc H thấy rằng phù hợp với các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì thư số 1146/GĐ-PC09 bên trong có mẫu gửi giám định là vật cấm lưu hành nên cần áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 mảnh ni lông màu đen và 01 vỏ bao thuốc lá là vật chứng không có giá trị nên cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S3 Pro; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, phiên bản MIUI Global 12.0.1; 01 xe mô tô BKS 73 E1-393.71, nhãn hiệu Yamaha; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Casino là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước;

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Ngọc T, Võ Văn T, Ngô Quang B pH chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phan Ngọc H là người thuộc diện hộ nghèo áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phan Ngọc H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Ngọc T, Phan Ngọc H, Võ Văn T, Ngô Quang B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T** 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25/9/2021.

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng T** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25/9/2021.

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo **Ngô Quang B, Phan Ngọc H** mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25/9/2021.

Căn cứ vào: điểm c khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Võ Văn T** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Ngọc T, Phan Ngọc H, Ngô Quang B với thời hạn 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/7/2022) theo Quyết định của Hội đồng xét xử.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư số 1146/GĐ-PC09 bên trong có mẫu gửi giám định; 01 mảnh ni lông màu đen và 01 vỏ bao thuốc lá. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S3 Pro; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, 01 xe mô tô BKS 73 E1-393.71, nhãn hiệu Yamaha; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Casino.

Các vật chứng trên có đặc điểm được mô tả cụ thể tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch ngày 22/3/2022.

[3] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Ngọc T, Võ Văn T, Ngô Quang B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phan Ngọc H.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/7/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

